TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2026/HS-ST
Ngày: 29-5-2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3-BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Lê Hồng Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hải Đăng.

Ông Nguyễn Văn Thông.

Thư ký phiên tòa: bà Ngô Thị Mai, Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Bắc Ninh, Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai trực tiếp vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 51/2026/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 250/2026/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Đức T; sinh năm 1996; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: số nhà A, ấp H, xã Đ, thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện tại: Thôn T, xã N, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hoá: 10/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ trước khi phạm tội: Không; Họ và tên cha: Trần Văn Đ, sinh năm 1971; Họ và tên mẹ: Hoàng Thị B, sinh năm 1975; Đều thường trú: số nhà A, ấp H, xã Đ, thành phố Hồ Chí Minh; Vợ, con: Chưa có; Gia đình có 02 anh, em, bị cáo là con thứ nhất. Tiền án: Không có. Tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPHC ngày 04/7/2026 của Công an xã N, tỉnh Bắc Ninh phạt tiền 6.500.000 đồng đối với Trần Đức T về hành vi "Cố ý gây thương tích", T chưa nộp phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/02/2026, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh B.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:* Anh Hoàng Văn B1, sinh năm 1970 – (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Q, xã N, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 15 phút ngày 28/01/2026, Trần Đức T đi bộ trên đường bê tông liên thôn theo hướng thôn T đi thôn T, xã N, tỉnh Bắc Ninh. Khi đi đến đoạn thuộc thôn T, xã N, tỉnh Bắc Ninh thì T nghe có tiếng xe mô tô ở phía sau, T quay lại thì thấy ông Hoàng Văn B1 đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98H1-182.53 từ phía sau đến chỗ T và nhìn về phía T (T không quen biết và không có mâu thuẫn với ông B1) T cho rằng ông B1 nhìn đểu mình nên khi ông B1 đi đến gần, T không nói gì và dùng tay đấm một cái vào vùng mặt ông B1 làm ông B1 ngã xuống đường, chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A50, màu xanh trong túi quần bên phải của ông B1 rơi ra. T tiếp tục lao vào dùng tay đấm nhiều cái vào vùng mặt, vùng đầu của ông B1 làm ông B1 bị thương chảy máu miệng và mũi, ông B1 vùng dậy bỏ chạy về phía cánh đồng và để lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98H1-182.53 cùng chiếc điện thoại rơi ở đường. Thấy ông B1 bỏ chạy, T nhặt một nửa viên gạch cầm tay chạy bộ đuổi theo ông B1 để đánh ông B1, khi T đuổi được khoảng 120m thì ông B1 bỏ chạy vào trong ruộng ngô, T không đuổi kịp ông B1 nên quay lại lấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98H1-182.53 (chìa khóa cắm ở ổ khóa điện) và nhặt chiếc điện thoại di động của ông B1 rơi ở đường rồi điều khiển xe mô tô tiếp tục đuổi theo ông B1. Do không tìm thấy ông B1 nên T cầm nửa viên gạch điều khiển chiếc xe mô tô của ông B1 quay về nhà T lấy 01 một con dao nhọn, phần lưỡi dài 15cm, bản rộng 4,2cm, phần chuôi màu đỏ dài 13cm, rộng nhất 3,5cm cầm ở tay, còn viên gạch T kẹp ở giá để xe phía trước rồi điều khiển xe mô tô đi tìm ông B1 mục đích để đánh, chém gây thương tích cho ông B1. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô đi ra khu vực cánh đồng thuộc thôn T, xã N, tỉnh Bắc Ninh để tìm ông B1, T nhìn thấy ông B1 đang đứng ở cánh đồng thôn T, xã N cùng một số người dân nên T không đuổi đánh ông B1 nữa mà điều khiển xe mô tô quay về nhà bà Lê Thị T1, sinh năm 1971, trú tại thôn T, xã N (đối diện nhà T) để chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98H1- 182.53 ở trước cửa nhà bà T1, còn chiếc điện thoại di động của ông B1, T để ở trên chiếc bàn nhựa trước cửa nhà bà T1 mục đích để ông B1 đi qua lấy xe và điện thoại về, còn viên gạch T vứt ở rìa đường gần nhà bà T1 rồi T cầm con dao nhọn đi về nhà để ở giường và đi ngủ.

Ngay sau khi bị T đánh, ông B1 đã đến Trạm y tế xã N, tỉnh Bắc Ninh khám và sơ cứu vết thương, đồng thời ông B1 làm đơn trình báo đến Công an xã N, tỉnh Bắc Ninh và yêu cầu khởi tố đối với Trần Đức T về hành vi cố ý gây thương tích đối với ông. Ngay sau khi nhận được đơn trình báo, Công an xã N đã báo cáo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B, Cơ quan điều tra Công an tỉnh B đã tiếp nhận tin báo, tiến hành khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra vụ việc tại đường bê tông liên thôn T đi thôn T, xã N, tỉnh Bắc Ninh, thuộc cánh đồng thôn T, xã N, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình khám nghiệm phát hiện trên mặt đường bê tông tại vị trí

cách vị trí T đánh ông B1 8,3m, cách mép đường bên phải hướng thôn T đi thôn T 1,15m phát hiện đám dấu vết máu dạng nhỏ giọt, trên diện (1,6 x 1,2)m.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tạm giữ của Trần Đức T 01 (một) viên gạch kích thước (14 x 9 x 5,5)cm ở mép đường cạnh bên phải cửa nhà bà T1; 01 (một) con dao nhọn, phần lưỡi dao dài 15cm, bản rộng 4,2cm, phần chuôi dao màu đỏ dài 13cm, chỗ rộng nhất 3,5cm ở trên giường ngủ của Trần Đức T.

Cùng ngày, bà Lê Thị T1, sinh năm 1971, trú tại thôn T, xã N, tỉnh Bắc Ninh giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an tỉnh B 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A50 màu xanh, số IMEI1: 354660970523034; Số IMEI2: 355772870523037, lắp sim số 0376.382.790 và sim số 0938.591.562 đã qua sử dụng; 01(một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại AirBlade, màu sơn Đen - Đỏ, biển kiểm soát 98H1-182.53, đã qua sử dụng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Trần Đức T xác định các đồ vật, tài sản tạm giữ trên, kết quả T xác định chiếc xe mô tô, chiếc điện thoại tạm giữ của bà T1 chính là xe mô tô và điện thoại T lấy của ông B1 khi đuổi đánh ông B1, T mang về để ở cửa nhà bà Lê Thị T1, còn viên gạch và con dao nhọn T đã sử dụng mục đích để đánh ông B1.

Cơ quan điều tra tiến hành test nhanh mẫu nước tiểu thu của Trần Đức T, kết quả T dương tính với ma túy "MOP".

Quá trình điều tra T khai nhận trưa ngày 28/01/2026, T còn có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy Heroine bằng hình thức hít tại nhà ở thôn T, xã N, tỉnh Bắc Ninh. Về nguồn gốc số ma túy T sử dụng T khai, khi T ra khỏi nhà, T không khóa cửa nên có người nào đó vào nhà T rồi sử dụng ma túy Heroine tại nhà T còn thừa để ở trên giường, khi T về thấy có ma túy trên giấy bạc nên đã lấy sử dụng.

Cơ quan điều tra Công an tỉnh B làm việc với Trạm Y tế xã N, tỉnh Bắc Ninh về tình trạng thương tích của ông B1, Trạm y tế xã N xác định tình trạng ông B1 khi vào khám tỉnh táo, tiếp xác tốt, vùng mặt sưng nề, vùng mắt bên trái tím, vùng dưới mũi bị xây xước phù nề phần da. Môi dưới bị xây xước da, bên má trái có một vết xước da kéo dài lên đỉnh tai trái dài (07cm x 0,2cm, sâu 0,1cm).

Ngày 30/01/2026, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B ra Quyết định trưng cầu giám định số 1601/QĐ-VPCQCSĐT trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh B giám định pháp y về thương tích đối với ông Hoàng Văn B1.

Tại Bản kết luận giám định số 67/KLTTCT-TTPY ngày 06/02/2026 của Trung tâm pháp y tỉnh B, kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Thương tích vết biến đổi rối loạn sắc tố da mi dưới mắt trái: 0,5%; Thương tích vết sẹo nông đỉnh mũi kích thước nhỏ (vùng mặt x3): 3%; Thương tích vết

xước da má trái đến đỉnh tai trái; 02 vết chợt da niêm mạc môi dưới không khâu: Không có căn cứ khoa học đánh giá tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể.

2. Kết luận:

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Hoàng Văn B1 tại thời điểm giám định là: 03% (ba phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại thông tư.

Kết luận khác: Vật, chiều hướng, lực tác động hình thành thương tích: Các thương tích do vật tày tác động trực tiếp gây nên, không xác định được chiều hướng và lực.

Ngày 04/02/2026, Cơ quan cảnh sát điều tra tỉnh Bắc Ninh ra Quyết định trưng cầu giám định số 1877/QĐ-VPCQCSĐT trưng cầu Phòng K Công an tỉnh B giám định đối với con dao thu giữ của Trần Đức T.

Tại Bản kết luận giám định số 679/KL-KTHS ngày 06/02/2026 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận: Mẫu vật gửi giám định là Dao sắc, nhọn, thuộc Danh mục dao có tính sát thương cao, quy định tại Phụ lục 5, kèm theo Thông tư số 75/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ C quy định một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Cáo trạng số 90/CT-VKS ngày 28/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh truy tố bị cáo Trần Đức T về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự và tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa hôm nay, sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3- Bắc Ninh thực hành quyền công tố đã luận tội đối với bị cáo, phân tích, đánh giá tính chất nguy hiểm của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự:

- Hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025): Xử phạt bị cáo Trần Đức T từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 04 tháng tù về tội "Sử dụng trữ trái phép vũ khí quân dụng".

- Về hình phạt bổ sung: Không;

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025): Xử phạt bị cáo Trần Đức T từ 08 tháng đến 10 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích".

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025), tổng hợp hình phạt chung cả 02 tội, bị cáo T phải chịu từ 01 năm 10 tháng đến 02 năm 02 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 13/2/2026.

Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS(sửa đổi, bổ sung năm 2025). Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 (một) viên gạch, kích thước (14 x 9 x 5,5)cm; 01 (một) con dao nhọn, phần lưỡi dài 15cm, bản rộng 4,2cm, phần chuôi màu đỏ dài 13cm, rộng nhất 3,5cm.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3-Bắc Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, bị hại là anh Hoàng Văn B1 vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt và người làm chứng là chị Thân Thị H, chị Nguyễn Thị X được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt anh B1, chị H và chị X.

[2]. Về tội danh:

Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều thừa nhận:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 28/01/2026, tại khu vực cánh đồng thuộc thôn T, xã N, tỉnh Bắc Ninh, Trần Đức T đã có hành vi sử dụng trái phép vũ khí quân dụng là cầm con dao sắc, nhọn (phần lưỡi dài 15cm, bản rộng 4,2cm, phần chuôi màu đỏ dài 13cm, rộng nhất 3,5cm) có tính sát thương cao đi tìm ông Hoàng Văn B1, mục đích để chém gây thương tích cho B1.

Ngoài ra, trước đó khoảng 14 giờ 15 phút ngày 28/01/2026, tại khu vực đường liên thôn thuộc thôn T, xã N, tỉnh Bắc Ninh, Trần Đức T cho rằng ông Hoàng Văn B1 nhìn đểu mình nên khi ông Hoàng Văn B1 điều khiển xe mô tô đi

đến chỗ T thì T đã có hành vi dùng tay đấm một cái vào mặt ông B1 làm ông B1 ngã đường, T tiếp tục lao về phía ông B1, dùng tay đấm nhiều cái vào vùng mặt ông B1 làm ông B1 bị thương ở vùng mặt, hậu quả B1 bị tổn thương 03% (ba phần trăm) sức khỏe (hành vi của Trần Đức T có tính chất côn đồ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự).

Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản làm việc, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, biên bản xác minh, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, phù hợp về thời gian, địa điểm. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi cố ý gây thương tích và sử dụng trái phép vũ khí quân dụng là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Do đó hành vi của bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự và tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng số 90/CT-VKS, ngày 28/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Bắc Ninh truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm các quy định của Nhà nước về sự quản lý, sử dụng vũ khí quân dụng, xâm phạm sự an toàn công cộng và hành vi cố ý gây thương tích của bị cáo xâm hại đến sức khỏe của ông B1 được pháp luật bảo vệ, hậu quả ông B1 bị tổn thương 03% sức khỏe và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Việc xét xử không những có ý nghĩa giáo dục riêng đối với bị cáo mà còn dăn đe phòng ngừa chung. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, bị cáo nhận thức rõ hành vi Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng của mình là vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng vũ khí quân dụng là nguy hiểm cho xã hội; giữa bị cáo và ông B1 không có mâu thuẫn gì, khi gặp ông B1, bị cáo cho rằng ông B1 đã nhìn đểu mình nên bị cáo đã có hành vi dùng tay không đánh gây thương tích cho ông B1 thể hiện tích chất côn đồ, thể hiện với lỗi cố ý trực tiếp nên bị cáo phải chịu hậu quả trước pháp luật do các hành vi phạm tội đã gây ra.

[4]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Từ các tình tiết trên, Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện gây nguy hại lớn cho xã hội, hành vi bị cáo thực hiện đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương và xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý, sử

dụng vũ khí quân dụng là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo sử dụng con dao nhọn là vũ khí quân dụng, mục đích tìm ông B1 để đánh thương tích, bị cáo có hành vi dùng tay không đánh ông B1 mục đích gây thương tích cho ông B1. Bị cáo thực hiện tội phạm với tính chất côn đồ, liều lĩnh, sử dụng hung khí nguy hiểm, gây tâm lý hoang mang, lo sợ và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Ngoài ra, bị cáo từng bị Công an xã N, tỉnh Bắc Ninh xử phạt hành chính về hành vi "Cố ý gây thương tích" nhưng chưa nộp phạt. Do đó, cần xử phạt bị cáo thật nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, răn đe riêng đối với bị cáo và đảm bảo tác dụng phòng ngừa đối với tội phạm nói chung.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng mục đích gây thương tích, bị cáo là người nghiện không tài sản, không có thu nhập nên không phạt tiền bổ sung bị cáo T.

[7]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 viên gạch, kích thước (14 x 9 x 5,5)cm, do bị cáo T nhặt ở ngoài đường không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 con dao nhọn, phần lưỡi dài 15cm, bản rộng 4,2cm, phần chuôi màu đỏ dài 13cm, rộng nhất 3,5cm là của bị cáo T đã sử dụng khi phạm tội là vũ khí quân dụng trái phép nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[8]. Các vấn đề khác:

Đối với việc T lấy xe mô tô và nhặt chiếc điện thoại di động của ông B1 bị rơi. Mục đích để T điều khiển xe mô tô đuổi theo để đánh ông B1, T không có mục đích chiếm đoạt chiếc xe mô tô và chiếc điện thoại của ông B1, sau khi không đuổi được ông B1, T đã mang chiếc xe mô tô và điện thoại của ông B1 để ở cửa nhà bà T1 mục đích để trả cho ông B1. Do đó hành vi của T không cấu thành tội phạm.

Đối với số ma túy bị cáo T sử dụng ngày 28/01/2026, T khai không biết ai đến nhà T sử dụng còn lại, do đó Cơ quan điều tra không làm rõ số ma túy T sử dụng là của ai nên không có căn cứ xử lý. Quá trình điều tra xác minh T không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 256a Bộ luật hình sự nên hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của T không cấu thành tội phạm, ngày 27/3/2026, Công an xã N, tỉnh Bắc Ninh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 1.250.000 đồng đối với Trần Đức T là đúng quy định pháp luật.

Đối với chiếc 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại AirBlade, màu sơn Đen - Đỏ, biển kiểm soát 98H1 - 182.53, quá trình điều tra xác định chiếc xe này là tài sản chung của vợ chồng ông B1, được đăng ký tên bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971, địa chỉ thôn Q, xã N, huyện T (nay là xã N, tỉnh Bắc Ninh) là vợ ông B1. Kết quả tra cứu chiếc xe không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng; Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A50 màu xanh, số IMEI1: 354660970523034; số IMEI2: 355772870523037, lắp sim số 0376.382.790 và

sim số 0938.591.562 đã qua sử dụng là điện thoại của của ông B1. Ngày 27/2/2026, Cơ quan điều tra Công an tỉnh B đã trả lại cho ông Hoàng Văn B1 chiếc xe mô tô và chiếc điện thoại là đúng quy định pháp luật.

[9]. Về trách nhiệm dân sự: Ông Hoàng Văn B1 không yêu cầu Trần Đức T phải bồi thường thiệt hại gì.

[10]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[11]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 304, điểm i khoản 1 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, điểm a khoản 1 Điều 55, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333; Điều 292; Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh và hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trần Đức T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng".

Xử phạt bị cáo Trần Đức T 08 (tám) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"

Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo Trần Đức T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 01 (một) năm 11 (mười một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/02/2026.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 viên gạch, kích thước (14 x 9 x 5,5)cm và 01 con dao nhọn, phần lưỡi dài 15cm, bản rộng 4,2cm, phần chuôi màu đỏ dài 13cm, rộng nhất 3,5cm.

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9-Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30-Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND Khu vực 3-Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- CQĐT, CQTHAHS tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam số 02 – CA tỉnh Bắc Ninh;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Hồng Thảo